TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2020
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Nhung**

2. Bà **Lê Thị Nhanh**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Oanh –** Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 584/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5691/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17090/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Tạ Lệ Y**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Đường M, phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Bower Nicholas H**, sinh năm 1968

Địa chỉ: Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 24/10/2018 và bản tự khai, nguyên đơn bà Tạ Lệ Y trình bày:

Bà và ông Bower Nicholas H tự nguyện kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số 2317, quyển số 12 ngày 21/8/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại Việt Nam. Ông Bower Nicholas H cũng làm việc tại Việt Nam cho đến tháng 11/2015 thì bị thất nghiệp. Trong thời gian này ông Bower Nicholas H thường xuyên đi chơi đêm, say xỉn và có dấu hiệu sa đà vào ma túy. Vì vậy, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, sau thời gian khuyên can không được vợ chồng bà sống ly thân từ tháng 6/2016. Hiện tại, ông Bower Nicholas H đã trở về Úc, hai bên đã chấm dứt mọi

liên lạc và không còn quan tâm, trách nhiệm gì lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn ông Bower Nicholas H.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Bower Nicholas H cư trú ở nước Úc, Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, đã gửi văn bản Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 137/UTTPDS-TA30 ngày 19/3/2019. Theo nội dung tại Thông báo nêu trên thì thời gian mở phiên tòa lần 1 vào lúc 8g00 ngày 19/12/2019, thời gian mở phiên tòa lần 2 vào lúc 8g00 ngày 16/01/2020. Ngày 30/7/2019, Tòa án nhận được Văn bản số 2196/BTP-PLQT ngày 18/7/2019 của Bộ Tư pháp thông báo Cơ quan có thẩm quyền của Ô-xtơ-rây-li-a không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên do đương sự không còn ở tại địa chỉ yêu cầu.

Bà Y có lời khai không cung cấp được địa chỉ mới hoặc người thân nào của ông Bower Nicholas H để liên lạc và yêu cầu Tòa án thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Australia. Ngày 19/8/2019, Tòa án có văn bản số 561/TAND-CV gửi Đại sứ quán Việt Nam tại Australia đăng tải bản dịch Thông báo cho bị đơn về việc giải quyết vụ án ly hôn trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Australia.

Đến ngày mở phiên tòa, Tòa án không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông Bower Nicholas H và ông cũng không có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn bà Tạ Lệ Y có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thủ tục ủy thác tư pháp, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Tạ Lệ Y được ly hôn ông Bower Nicholas H. Con chung: không có. Tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Tạ Lệ Y đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Bower Nicholas H cư trú tại nước Úc; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 464, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tạ Lệ Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Bower Nicholas H vắng mặt đến lần thứ 2. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Tạ Lệ Y và ông Bower Nicholas H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2012, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ số 2317, Quyển số 12 ngày 21/8/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của bà Y thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Việt Nam. Cuộc sống chung hạnh phúc bình thường đến tháng 11/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Bower Nicholas H mất việc làm, thường xuyên đi chơi đêm, uống rượu say và có dấu hiệu sa đà vào ma túy. Bà đã nhiều lần khuyên can chồng nhưng không thành công nên đến tháng 6/2016 vợ chồng sống ly thân. Sau đó, ông Bower Nicholas H quay trở về nước Úc. Từ năm 2018 đến nay, hai bên đã chấm dứt mọi liên lạc. Bà Y xác định không còn tình cảm với chồng, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu ly hôn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Y.

Về con chung: Bà Y khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Y khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 464, Điều 469, Điều 474, Điều 476, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 123, Điều 124, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp-Bộ Ngoại giao-Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Lệ Y được ly hôn ông Bower Nicholas H.

Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số 2317, Quyển số 12 ngày 21/8/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Tạ Lệ Y khai không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tạ Lệ Y khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Tạ Lệ Y phải chịu, nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Y đã nộp tại Biên lai thu số AA/2017/0045658 ngày 15/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà Y đã nộp đủ án phí.

Chi phí thực tế thực hiện tống đạt giấy tờ của Cơ quan có thẩm quyền của Australia là 32 đô la Úc (AUD) bà Tạ Lệ Y phải chịu, nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cấn trừ tiền tạm ứng chi phí tố tụng 3.000.000đồng bà Y đã nộp tại Biên lai thu số AA/2017/0045729 ngày 25/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, phần tiền chênh lệch còn thừa bà Y được nhận lại, nếu còn thiếu bà Y phải nộp bổ sung.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Tạ Lệ Y và bị đơn ông Bower Nicholas H; bà Tạ Lệ Y được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Bower Nicholas H được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nhung **Lê Thị Nhanh** **Trần Thị Nhung**



Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN		**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Lê Thị Nhung	**Lê Thị Nhanh**	**Trần Thị Nhung**